

PGS.TS. TRỊNH TIẾN VIỆT

55 CẤP TỘI DANH DỄ NHẦM LẤN TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ (HIỆN HÀNH)

(Xuất bản lần thứ ba
có sửa chữa, bổ sung)

Nhấp để xem toàn màn hình



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

55

**CẤP TỘI DANH
ĐỂ NHÀM LẤN**
TRONG BỘ LUẬT
HÌNH SỰ (HIỆN HÀNH)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Số 6/96 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 090.49221. Fax: 090.49222
Email: suthe@nxbctpg.vn, Website: www.nxbctpg.org.vn
Sách điện tử: www.sbook.vn, www.thurienkieu.vn, sachquocgia.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. VŨ TRỌNG LÂM

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. VŨ VĂN BỀ

Chịu trách nhiệm tổ chức xuất bản điện tử
PHÓ GIÁM ĐỐC
THS. NGUYỄN THÁI BÌNH

Biên tập nội dung: VŨN THỊ THANH HƯƠNG
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH

Trình bày bìa: LÊ THỊ HÀ LAN
Chế bản và in: NGUYỄN THỊ HẰNG

Sửa bản in: NGUYỄN THỊ YẾN
Đọc sách mẫu: PHƯƠNG ANH

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 320-2022/CXBIPH/25-73/CTQG
Quyết định xuất bản số: 1104-QĐ/NXBCTQG, ngày 14/02/2022.
Mã số ISBN: 978-604-57-7504-2



PGS.TS. TRINH TIẾN VIỆT

55

**CẤP TỘI DANH
ĐỂ NHÀM LẤN**
TRONG BỘ LUẬT
HÌNH SỰ (HIỆN HÀNH)

(Xuất bản lần thứ ba
có sửa chữa, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Trịnh Tiến Việt

55 cấp tội danh dễ nhầm lẫn trong Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi,
bổ sung năm 2017 : Tài liệu nghiên cứu, tìm hiểu, giảng dạy và học tập /
Trịnh Tiến Việt. - H. : Chính trị Quốc gia, 2021. - 312tr. ; 24cm
ISBN 978-604-57-7099-3

1. Bộ luật hình sự 2. Tội danh 3. Việt Nam
345.597 - dc23

CTM0490p-CIP

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	9
<i>Chương I</i>	
TỘI DANH	11
1. Tội phạm, tội danh	11
2. Tội danh bằng nhau	24
3. Tội danh nặng hơn, tội danh nhẹ hơn	25
<i>Chương II</i>	
ĐỊNH TỘI DANH	34
1. Khái niệm định tội danh	34
2. Căn cứ khoa học và căn cứ pháp lý của việc định tội danh	37
3. Các giai đoạn của việc định tội danh	39
4. Những vấn đề cần lưu ý khi xem xét tội danh và định tội danh	41
<i>Chương III</i>	
NHỮNG ĐIỂM MẪU CHỐT PHÂN BIỆT	
55 CẤP TỘI DANH DỄ NHẦM LẪN	63
1. Tội phản bội Tổ quốc (Điều 108) và Tội gián điệp (Điều 110)	67
2. Tội phản bội Tổ quốc (Điều 108) và Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 109)	72
3. Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 113) và Tội giết người (Điều 123)	75
4. Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 113) và Tội khủng bố (Điều 299)	78
5. Tội phá rối an ninh (Điều 118) và Tội gây rối trật tự công cộng (Điều 318)	83

6. Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 114) và Tội phá hủy công trình cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia (Điều 303)	88
7. Tội tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 120) và Tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 121)	93
8. Tội giết người (Điều 123) và Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ (Điều 124)	95
9. Tội giết người (Điều 123) và Tội bức tử (Điều 130)	99
10. Tội giết người (Điều 123) và Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát (Điều 131)	102
11. Tội giết người (Điều 123) và Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng (Điều 132)	104
12. Tội giết người (Điều 123) và Tội đe dọa giết người (Điều 133)	106
13. Tội giết người (Điều 123) và Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134)	109
14. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 126) và Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ (Điều 127)	114
15. Tội bức tử (Điều 130) và Tội hành hạ người khác (Điều 140)	123
16. Tội hiếp dâm (Điều 141) và Tội cưỡng dâm (Điều 143)	125
17. Tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 148) và Tội cố ý truyền HIV cho người khác (Điều 149)	130
18. Tội mua bán người (Điều 150) và Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151)	131
19. Tội làm nhục người khác (Điều 155) và Tội vu khống (Điều 156)	139
20. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (Điều 157) và Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn bắt, giữ, giam người trái pháp luật (Điều 377)	143
21. Tội cướp tài sản (Điều 168) và Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 169)	153

22. Tội cướp tài sản (Điều 168) và Tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 170)	157
23. Tội cướp giật tài sản (Điều 171) và Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172)	159
24. Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172) và Tội trộm cắp tài sản (Điều 173)	162
25. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174) và Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175)	167
26. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174) và Tội lừa dối khách hàng (Điều 198)	172
27. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175) và Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 355)	177
28. Tội buôn lậu (Điều 188) và Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới (Điều 189)	180
29. Tội buôn lậu (Điều 188) và Tội trốn thuế (Điều 200)	182
30. Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm (Điều 190) và Tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 192)	188
31. Tội lập quỹ trái phép (Điều 205) và Tội tham ô tài sản (Điều 353)	192
32. Tội gian lận bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp (Điều 214) và Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động (Điều 216)	195
33. Tội vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 221) và Tội vi phạm quy định về dấu thuế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 222)	201
34. Tội vi phạm các quy định về sử dụng đất đai (Điều 228) và Tội vi phạm các quy định về quản lý đất đai (Điều 229)	208
35. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Điều 249) và Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250)	211
36. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 255) và Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 256)	216
37. Tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 257) và Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 258)	220
38. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ (Điều 260) và Tội vô ý làm chết người (Điều 128)	222

39. Tội đua xe trái phép (Điều 266) và Tội gây rối trật tự công cộng (Điều 318)	232
40. Tội đua xe trái phép (Điều 266) và Tội chống người thi hành công vụ (Điều 330)	238
41. Tội chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy (Điều 282) và Tội cướp tài sản (Điều 168)	243
42. Tội bắt cóc con tin (Điều 301) và Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 169)	246
43. Tội đánh bạc (Điều 321) và Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc (Điều 322)	249
44. Tội truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy (Điều 326) và Tội làm nhục người khác (Điều 155)	255
45. Tội chứa mại dâm (Điều 327) và Tội môi giới mại dâm (Điều 328)	263
46. Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự (Điều 332) và Tội trốn tránh nhiệm vụ (Điều 403)	265
47. Tội tham ô tài sản (Điều 353) và Tội nhận hối lộ (Điều 354)	268
48. Tội nhận hối lộ (Điều 354) và Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 358)	274
49. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 356) và Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 357)	277
50. Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội (Điều 368) và Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội (Điều 369)	282
51. Tội dùng nhục hình (Điều 373) và Tội bức cung (Điều 374)	285
52. Tội không chấp hành án (Điều 380) và Tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng (Điều 186)	290
53. Tội che giấu tội phạm (Điều 389) và Tội không tố giác tội phạm (Điều 390)	293
54. Tội gây rối trật tự phiên tòa, phiên họp (Điều 391) và Tội gây rối trật tự công cộng (Điều 318)	298
55. Tội làm nhục đồng đội (Điều 397) và Tội hành hung đồng đội (Điều 398)	303
Danh mục tài liệu tham khảo	306

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Luật hình sự đã được pháp điển hóa lần thứ ba với việc ban hành Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 (Bộ luật Hình sự năm 2015). Đây là Bộ luật có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống xã hội. Các quy định mới trong Bộ luật Hình sự năm 2015 đã đánh dấu một bước tiến rất quan trọng, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho cuộc đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm có hiệu quả cao; góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, lợi ích của tổ chức Nhà nước và bảo vệ, thúc đẩy nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa phát triển đúng hướng, tạo môi trường xã hội và môi trường sinh thái an toàn, lành mạnh cho mọi người dân, đồng thời đáp ứng xu thế phát triển của Luật hình sự Việt Nam với các xu hướng nhân đạo hóa, phân hóa trách nhiệm hình sự và xu hướng quốc tế hóa.

Nhằm triển khai thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 kịp thời, thống nhất và có hiệu quả, ngày 13/9/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1359/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Bộ luật Hình sự, trong đó yêu cầu phải rà soát và sửa đổi, bổ sung các giáo trình, tài liệu có nội dung liên quan đến Bộ luật Hình sự năm 2015 để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định mới; hướng dẫn giảng viên, giáo viên giảng dạy môn Pháp luật, Giáo dục công dân cập nhật kịp thời những nội dung quy định mới của Bộ luật khi giảng dạy các bộ môn có liên quan trong khi chưa sửa đổi, bổ sung giáo trình, tài liệu...

Hiện nay, trong chương trình đào tạo ở bậc đại học và bậc sau đại học (chuyên ngành Luật hình sự và Tổ tụng hình sự) tại các cơ sở đào tạo luật trong cả nước, luật hình sự là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành, chuyên ngành nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về tội phạm và hình phạt, những dấu hiệu pháp lý đặc trưng đối

với các tội phạm cụ thể, cũng như vấn đề định tội danh và quyết định hình phạt. Trong khi đó, đối với cán bộ làm công tác thực tiễn, việc tìm ra những điểm mấu chốt mang tính bản chất để phân biệt tội danh này với tội danh khác cũng có ý nghĩa rất quan trọng nhằm giải quyết vụ án hình sự được khách quan, toàn diện, đúng thẩm quyền, qua đó, xử lý đúng người, đúng tội danh và đúng pháp luật.

Vì vậy, tiếp nối cuốn sách *Tổng quan về Luật hình sự Việt Nam*, tác giả và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật tiếp tục cho ra mắt cuốn sách **55 cặp tội danh để nhầm lẫn trong Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Tài liệu nghiên cứu, tìm hiểu, giảng dạy và học tập)** do PGS.TS. Trịnh Tiến Việt, Phó Chủ nhiệm Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội biên soạn. Cuốn sách được xem là phần thứ hai nhằm giúp bạn đọc, đặc biệt là sinh viên, học viên tại các cơ sở đào tạo chuyên ngành luật và cán bộ thực tiễn tìm hiểu, tham khảo trong quá trình công tác về những kiến thức cốt lõi của việc xác định tội danh và những cặp tội danh trong Bộ luật Hình sự năm 2015. Cuốn sách giới thiệu cách xác định tội danh bằng nhau, tội danh nặng hơn và tội danh nhẹ hơn, đồng thời nêu phương pháp học - hiểu - nhớ tội danh, các vấn đề cần lưu ý và làm sáng tỏ những điểm mấu chốt phân biệt 55 cặp tội danh để nhầm lẫn trong Bộ luật Hình sự năm 2015, qua đó, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cũng như vận dụng kiến thức luật hình sự trong giảng dạy, học tập và thực tiễn xác định tội danh và định tội danh.

Trong quá trình biên soạn, tác giả đã hết sức cố gắng nhưng chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, Nhà xuất bản và tác giả mong nhận được những đóng góp quý báu của bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 9 năm 2021

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



Chương I

TỘI DANH

1. Tội phạm, tội danh

a) Tội phạm

Tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt là những vấn đề cơ bản, cốt lõi nhất của luật hình sự các quốc gia trên thế giới, trong đó có luật hình sự Việt Nam. Bởi lẽ, suy cho cùng, có thể xem “khởi nguồn” của luật hình sự là vấn đề tội phạm và “kết thúc” là việc giải quyết chính xác, có căn cứ, toàn diện và đúng pháp luật vấn đề trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với chủ thể đã thực hiện tội phạm này¹. Vì lẽ đó, khái niệm tội phạm đã được các nhà làm luật nhiều nước (trong đó có Việt Nam) ghi nhận định nghĩa lập pháp trong Bộ luật Hình sự. Đặc biệt, “việc xác định tội phạm trong luật hình sự là cơ sở để quy định hình phạt nhưng việc quy định hình phạt xét cho cùng cũng là một phần của việc xác định tội phạm... Khái niệm tội phạm là cơ sở để xây dựng các cấu thành tội phạm cụ thể với ý nghĩa là mô hình pháp lý của từng loại tội phạm và qua đó cũng là cơ sở để quy định khung hình phạt tương ứng”².

1. Xem Trịnh Tiến Việt: *Từ khởi nguồn đến kết thúc của luật hình sự*, *Tạp chí Khoa học, Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội*, số 1/2018, tr.1-16.

2. Nguyễn Ngọc Hòa: *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2015, tr.14.



Trong Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015), điểm mới cơ bản so với Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật Hình sự năm 1999) trước đây là các nhà làm luật đã bổ sung thêm chủ thể của tội phạm là “pháp nhân thương mại” và bổ sung thêm khách thể cần bảo vệ là “quyền con người”, cũng như “theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự” và được thể hiện rõ nét tại Điều 8 về khái niệm tội phạm của Bộ luật này.

Như vậy, *tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại (thực hiện qua hành vi của người đại diện) đáp ứng các điều kiện nhất định thực hiện một cách có lỗi cố ý hoặc vô ý xâm phạm đến các quan hệ xã hội được Bộ luật Hình sự xác lập, bảo vệ mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự*.

Tội phạm cũng có điểm giống và khác so với các vi phạm pháp luật khác. Vi phạm pháp luật được hiểu thống nhất “là hành vi trái pháp luật (hành động hoặc không hành động), có lỗi của chủ thể có năng lực hành vi (năng lực hành vi pháp lý) thực hiện, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ, đến quyền, lợi ích của con người”¹. Theo đó, vi phạm pháp luật có nhiều loại khác nhau. Có vi phạm pháp luật của cá nhân và vi phạm pháp luật của tổ chức. Có vi phạm pháp luật hình sự và các vi phạm pháp luật khác. Vi phạm pháp luật hình sự đặc trưng nhất là tội phạm. Nói cách khác, tội phạm chính là một trong các loại vi phạm pháp luật.

1. Đào Trí Úc, Hoàng Thị Kim Quế (Đồng chủ biên): *Đại cương về Nhà nước và pháp luật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2017, tr.237.

** Điểm giống nhau giữa tội phạm và các vi phạm pháp luật khác*

Trong mối quan hệ với các vi phạm pháp luật khác, nhất là các vi phạm hành chính, có thể thấy rằng tính nguy hiểm cho xã hội không phải là dấu hiệu duy nhất có ở tội phạm. Thực tiễn phòng ngừa, chống các hành vi vi phạm pháp luật cho thấy, tội phạm và các vi phạm pháp luật khác đều là những hành vi có tính nguy hiểm cho xã hội, đều gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội nhất định đã được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, tội phạm và các vi phạm pháp luật khác là những hiện tượng xã hội khác nhau và Nhà nước phải sử dụng biện pháp khác nhau để đấu tranh có hiệu quả đối với các hiện tượng này. Từ đây, trên phương diện lập pháp hình sự, các nhà làm luật phải đưa ra được những căn cứ có tính pháp lý để phân biệt giữa tội phạm với các vi phạm pháp luật khác. Vì thế, một trong những căn cứ để giải quyết yêu cầu này là “tính chất” và “mức độ” nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà chủ thể vi phạm đã thực hiện. Tội phạm là hành vi có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đáng kể. Do đó, những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác (khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự năm 2015).

Ngoài ra, tội phạm hay các vi phạm pháp luật khác đều phải là hành vi của con người. Hiện nay, với việc Bộ luật Hình sự năm 2015 bổ sung chủ thể của tội phạm là pháp nhân thương mại, thì một điểm chung giữa tội phạm và các vi phạm pháp luật khác là chủ thể là cá nhân và pháp nhân (tổ chức) và hành vi của chủ thể này phản ánh qua người đại diện của nó. Tuy nhiên, riêng pháp nhân thương mại với tư cách là chủ thể

của tội phạm chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về một số tội phạm nhất định do Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định¹.

Về nội dung chính trị - xã hội, tội phạm và các vi phạm pháp luật khác đều là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật xác lập và bảo vệ. Tội phạm và các vi phạm pháp luật khác cùng mang bản chất là những hiện tượng tiêu cực của xã hội. Do đó, ứng phó với những hiện tượng này, Nhà nước, xã hội đều có phản ứng tiêu cực và đưa ra các biện pháp ngăn chặn, xử lý, phòng ngừa.

Về phương diện chủ quan, tội phạm và các vi phạm pháp luật khác là những hành vi do chủ thể có năng lực pháp luật, năng lực hành vi thực hiện một cách cố lỗi, hoặc cố ý hoặc vô ý. Ngay cả đối với tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện cũng phản ánh lỗi của chủ thể này thông qua người đại diện của nó. Bởi lẽ, "hành vi, lỗi của người lãnh đạo, chỉ huy, người đại diện cũng được coi là hành vi, lỗi của pháp nhân. Như vậy, lý thuyết đồng nhất hóa trách nhiệm được các nhà lập pháp Việt Nam quy định là cơ sở quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại"².

Cuối cùng, về phương diện pháp lý, cả tội phạm và các vi phạm pháp luật khác đều được quy định trong các văn bản pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Văn bản quy phạm pháp luật (trong đó bao gồm cả Bộ luật Hình sự) là cơ sở pháp lý để xác định tội phạm và các vi phạm pháp luật khác, đồng thời cũng là căn cứ để các cơ quan, người có thẩm

1. Hiện nay, Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự về 33 tội danh (Điều 76).

2. Trần Văn Độ: *Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại*, Tạp chí *Dân chủ và Pháp luật*, số chuyên đề "Triển khai thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015", Hà Nội, 2018, tr.33.

quyền đấu tranh, xử lý đối với tội phạm và các vi phạm pháp luật khác.

** Điểm khác nhau giữa tội phạm và các vi phạm pháp luật khác*

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm giống nhau, tội phạm cũng có một số điểm khác nhau với các vi phạm pháp luật khác. Trước hết, về nội dung, tội phạm mang bản chất khác với các loại vi phạm pháp luật khác. Tội phạm là hành vi nguy hiểm có tính chất, mức độ nguy hiểm "đáng kể" cho xã hội so với các vi phạm pháp luật khác. Ranh giới mức "nguy hiểm đáng kể" và "nguy hiểm không đáng kể" là căn cứ quan trọng để phân biệt giữa tội phạm với các vi phạm pháp luật khác mà khi xây dựng (trong hoạt động lập pháp) các nhà làm luật đã lựa chọn những hành vi nguy hiểm cho xã hội ở mức cao để đưa vào Bộ luật Hình sự và xử lý bằng chế tài hình sự, còn hành vi nguy hiểm cho xã hội ở mức thấp thì xử lý bằng chế tài của các ngành luật khác.

Về hình thức pháp lý, hiện nay, tội phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 hiện hành. Và cũng chỉ có tội phạm mới là hành vi duy nhất bị trừng phạt bởi hình phạt với tư cách là hình thức của trách nhiệm hình sự và biện pháp cưỡng chế về hình sự nghiêm khắc nhất. Hình phạt được Tòa án áp dụng đối với người, pháp nhân thương mại phạm tội nhân danh Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên phạt, đồng thời để lại cho chủ thể bị áp dụng hậu quả pháp lý là chịu án tích trong một thời gian nhất định khi bị áp dụng một số loại hình phạt nhất định. Ngoài ra, việc xử lý tội phạm phải thông qua thủ tục, trình tự tố tụng hình sự, được điều chỉnh bởi pháp luật tố tụng hình sự.

Trong khi đó, các vi phạm pháp luật khác được quy định trong những văn bản pháp luật thuộc các ngành luật khác và bị xử lý bằng những biện pháp cưỡng chế của Nhà nước ít nghiêm

khắc hơn bao gồm chế tài hành chính, kỷ luật, dân sự... Đặc biệt, khác với bị áp dụng chế tài hình sự, việc áp dụng các chế tài đối với chủ thể vi phạm pháp luật khác không mang án tích và thông qua trình tự, thủ tục của các ngành luật khác tương ứng.

b) Tội danh

Như vậy, bên cạnh khái niệm tội phạm, trong khoa học luật hình sự và thực tiễn áp dụng có sử dụng thuật ngữ “tội danh”. Do vậy, tội danh là gì và nghiên cứu tội danh để làm gì là nội dung cần làm sáng tỏ. Hiện nay, nghiên cứu, đánh giá về vấn đề “tội danh” ít được các nhà khoa học - luật gia luật hình sự quan tâm đúng mức, mà tập trung nhiều đến việc nghiên cứu về định tội, định tội danh và quyết định hình phạt. Cách tiếp cận của GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa hoàn toàn hợp lý khi nhận xét: “Khi xác định hành vi phạm tội cụ thể để quy định là tội phạm trong Phần các tội phạm Bộ luật Hình sự, nhà làm luật không chỉ có nhiệm vụ mô tả hành vi phạm tội (xây dựng cấu thành tội phạm) và quy định khung hình phạt có thể áp dụng cho người phạm tội (xây dựng khung chế tài) mà còn có nhiệm vụ đặt tên cho loại hành vi phạm tội được mô tả (đặt tội danh). Với việc đặt tên cho từng loại hành vi phạm tội được xác định và mô tả trong Bộ luật Hình sự chúng ta có hệ thống các tội danh”¹. Như vậy, ở đây, tội danh chính là việc các nhà làm luật đặt tên cho loại hành vi phạm tội được mô tả trong Bộ luật Hình sự.

Trong khi đó, “tội danh” cũng là một danh từ, được *Từ điển tiếng Việt* định nghĩa là “tên gọi hành vi phạm pháp đã được

1. Nguyễn Ngọc Hòa: *Tội danh và việc chuẩn hóa các tội danh trong Bộ luật Hình sự Việt Nam*, Tạp chí *Luật học*, số 6/2004, tr.50; Nguyễn Ngọc Hòa: *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2015, tr.222.

quy định trong Bộ luật Hình sự”¹ hoặc là “tên tội ác và mức xử phạt nó, được xác định sẵn trong các văn bản pháp luật”²; hoặc có sách thuật ngữ quan niệm tội danh “là tên một tội phạm cụ thể được quy định trong các điều luật của Bộ luật Hình sự, ví dụ Tội hiếp dâm, Tội trộm cắp tài sản, Tội cướp tài sản...”³.

Tóm lại, *tội danh được dùng để chỉ hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được quy định trong Bộ luật Hình sự là tội phạm, được định danh với tên gọi chính thức cụ thể nào đó mà các nhà làm luật đã xác định (hoặc mô tả), qua đó, phản ánh chính xác bản chất pháp lý của hành vi này.*

Như vậy, thuật ngữ “tội danh” là tên gọi hay được các nhà làm luật định danh gắn với một hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được mô tả trong Bộ luật Hình sự phản ánh bản chất pháp lý của hành vi này so với hành vi khác, phục vụ yêu cầu xây dựng cấu thành tội phạm cụ thể và xác định mức và loại hình phạt tương ứng với tội danh đó. Cùng với đó, việc xác định tội danh chính xác trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự không chỉ bảo đảm xử lý đúng người, đúng “mức độ” trách nhiệm hình sự, xác định một người có tội hay không có tội, nếu có tội thì tội gì, mức chế tài dự kiến thế nào, từ đó kéo theo việc quyết định hình phạt chính xác, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, cũng như giáo dục, cải tạo người phạm tội.

1. Hoàng Phê (Chủ biên): *Từ điển tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2019, tr.1280.

2. Nguyễn Như Ý (Chủ biên): *Đại Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2010, tr.1609.

3. Nguyễn Ngọc Diệp: *550 thuật ngữ chủ yếu trong pháp luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1997, tr.81.

Hiện nay, Bộ luật Hình sự năm 2015 gồm có 3 phần, 26 chương, 426 điều. So với Bộ luật Hình sự năm 1999 thì Bộ luật Hình sự năm 2015 bãi bỏ 03 điều; giữ nguyên 30 điều; sửa đổi, bổ sung 396 điều. Riêng nội dung Phần các tội phạm cụ thể trong Bộ luật Hình sự năm 2015 bao gồm 317 điều với 314 tội danh, chia thành 13 chương, tăng hơn rất nhiều so với Phần các tội phạm trong Bộ luật Hình sự năm 1999. Cụ thể, tăng 40 tội danh (bổ sung 30 tội danh mới, 10 tội danh do tách ra).

Khái quát các chương quy định về tội phạm trong Bộ luật Hình sự năm 2015 cho thấy:

** Chương XIII - "Các tội xâm phạm an ninh quốc gia"*

Đây là nhóm tội danh có tính nguy hiểm cho xã hội cao nhất nên chính sách hình sự đối với các tội phạm này rất nghiêm khắc. Bởi lẽ, các tội xâm phạm an ninh quốc gia xâm phạm trực tiếp đến sự tồn tại, ổn định và phát triển của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cũng như sự bất khả xâm phạm về độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Chương XIII - "Các tội xâm phạm an ninh quốc gia" Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định 15 điều luật có 14 điều quy định 14 tội danh và 01 điều luật quy định về hình phạt bổ sung đối với các tội phạm này.

** Chương XIV - "Các tội xâm phạm sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người"*

Chương XIV Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định 34 điều luật về 34 tội danh và chia theo các nhóm: các tội xâm phạm tính mạng, các tội xâm phạm sức khỏe, các tội xâm phạm nhân phẩm và các tội xâm phạm danh dự của con người.

** Chương XV - "Các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân"*

Chương XV Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định 11 điều luật về 11 tội danh xâm phạm đến các quyền tự do của con người và quyền tự do, dân chủ của công dân.

** Chương XVI - "Các tội xâm phạm sở hữu"*

Các tội xâm phạm sở hữu xâm phạm đến các quan hệ sở hữu bao gồm quyền chiếm giữ, quyền sử dụng và quyền định đoạt tài sản.

Chương XVI Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định 13 điều luật về 13 tội danh xâm phạm đến quyền sở hữu.

** Chương XVII - "Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình"*

Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình xâm phạm đến hai nhóm quan hệ là quan hệ hôn nhân (kết hôn, nghĩa vụ vợ chồng, ly hôn...) và quan hệ gia đình (giữa ông bà, cha mẹ, với con cháu, giữa anh chị em...).

Chương XVII Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định 07 điều luật về 07 tội danh xâm phạm đến chế độ hôn nhân và gia đình.

** Chương XVIII - "Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế"*

Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế xâm phạm đến các quan hệ xã hội về trật tự quản lý kinh tế trong từng lĩnh vực, từng ngành kinh tế...

Chương XVIII Bộ luật Hình sự năm 2015 chia thành 03 mục về các tội phạm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại; các tội phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm và các tội phạm khác xâm phạm trật tự quản lý kinh tế quy định 47 điều luật về 47 tội danh.

** Chương XIX - “Các tội phạm về môi trường”*

Các tội phạm về môi trường xâm phạm đến việc bảo đảm an ninh môi trường, môi trường sống và tài nguyên thiên nhiên.

Chương XIX Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định 12 điều luật về 12 tội danh.

** Chương XX - “Các tội phạm về ma túy”*

Các tội phạm về ma túy xâm phạm quy định của Nhà nước về chế độ quản lý các chất ma túy. Chương XX Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định 13 điều luật về 13 tội danh.

** Chương XXI - “Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng”*

Chương XXI Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định 69 điều luật về 68 tội danh (01 bị bãi bỏ - Điều 292¹) và chia thành bốn nhóm xâm phạm an toàn giao thông, tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông; các tội phạm khác xâm phạm an toàn công cộng và các tội phạm khác xâm phạm trật tự công cộng.

** Chương XXII - “Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính”*

Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường của người thi hành công vụ, của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước, qua đó, làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước.

Chương XXII Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định 22 điều luật về 22 tội danh.

1. Điều 292 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bị bãi bỏ theo khoản 141 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13.

** Chương XXIII - “Các tội phạm về chức vụ”*

Các tội phạm về chức vụ là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức do người có chức vụ thực hiện trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ.

Ngoài ra, người có chức vụ là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ.

Chương XXIII Bộ luật Hình sự năm 2015 bao gồm 15 điều luật quy định 14 tội danh và 01 điều luật về khái niệm các tội phạm này và khái niệm người có chức vụ, được chia thành hai nhóm - các tội phạm về tham nhũng tại mục 1 và các tội phạm khác về chức vụ tại mục 2.

** Chương XXIV - “Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp”*

Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp là những hành vi xâm phạm sự đúng đắn của hoạt động tố tụng và thi hành án. Chương XXIV Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định 25 điều luật với 24 tội danh và 01 điều luật về khái niệm các tội phạm này.

** Chương XXV - “Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân và trách nhiệm của người phối thuộc với Quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu”*

Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân và trách nhiệm của người phối thuộc với Quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu xâm phạm đến các quan hệ xã hội trong Quân đội giữa những quân nhân và giữa họ với các đối tượng không phải là quân nhân trong khi thực hiện nhiệm vụ quân sự, huấn luyện quân sự, phối thuộc chiến đấu hoặc phục vụ chiến đấu... Chương XXV Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định 29 điều luật với 28 tội danh và 01 điều luật về những người phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội phạm này.

* Chương XXVI - “Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh”

Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh xâm phạm đến độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ độc lập, có chủ quyền; tính mạng, sức khỏe của một khu dân cư; môi trường tự nhiên, điều kiện sống của cộng đồng dân cư... Chương XXVI Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định 05 điều luật với 05 tội danh.

Như vậy, trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, quá trình để có thể xác định được tội danh mà chủ thể đã thực hiện đòi hỏi người có thẩm quyền do pháp luật quy định, trên cơ sở xác định, so sánh và chứng minh có sự phù hợp giữa hành vi phạm tội cụ thể trong thực tế của một người với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm của điều luật tương ứng trong Phần các tội phạm Bộ luật Hình sự quy định hay không.

Bên cạnh đó, đến nay trong khoa học và thực tiễn cũng đặt ra vấn đề tội danh nặng hơn, tội danh nhẹ hơn, tội danh bằng nhau (hoặc ngang bằng nhau) nhưng chưa được lý giải, làm rõ ngoài có một văn bản đơn lẻ đã hết hiệu lực là Thông tư liên tịch số 01/1998/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BNV ngày 02/01/1998 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 1985 (Thông tư liên tịch số 01/1998/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BNV) có nêu về “tội danh nặng hơn” tại điểm 5 mục II phần B. Vì vậy, nhiệm vụ làm sáng tỏ vấn đề này không chỉ giúp đánh giá chính xác tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm để có thể đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, xếp cùng nhóm “khách thể loại” đối với các hành vi nguy hiểm cho xã hội cùng tính chất, phân hóa tối đa trách nhiệm hình sự, mà còn giúp xác định chính xác giới hạn xét xử của Tòa án trong tố tụng hình sự tại Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bảo đảm sự độc lập của Tòa án

và tránh việc trả đi, trả lại hồ sơ cho Viện kiểm sát. Ngoài ra, việc làm rõ vấn đề này còn góp phần giải quyết chính xác về “mức độ trách nhiệm hình sự” trong trường hợp “phạm nhiều tội” đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi có tội danh nặng, tội danh nhẹ hơn cần so sánh trước và sau khi 16 tuổi và trước và sau khi 18 tuổi...¹.

1. Điều 103 Bộ luật Hình sự năm 2015 về “Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội” quy định:

“1. Khi xét xử cùng một lần người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội thì Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật này. Nếu hình phạt chung là cải tạo không giam giữ thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 03 năm. Nếu hình phạt chung là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không được vượt quá 18 năm đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội và 12 năm đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội.

2. Đối với người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau:

a) Nếu mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện trước khi người đó đủ 16 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi thì hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Nếu mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện sau khi người đó đủ 16 tuổi nặng hơn mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi thì hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với người phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau:

a) Nếu mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt áp dụng đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Nếu mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi nặng hơn mức hình phạt áp dụng đối với tội thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi thì hình phạt chung áp dụng như đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội”.